

Thứ ba, ngày 13 tháng 7 năm 2021

Vietnam Daily Review

Trở lại xanh điểm về cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/7/2021		•	
Tuần 12/7-16/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex giằng co quanh mốc tham chiếu trong phiên sáng và dù áp lực bán gia tăng trong phiên chiều nhưng sau đó lực cầu xuất hiện vào cuối phiên đã giúp chỉ số đóng cửa với mức tăng nhẹ. Dòng tiền đầu tư gia tăng trở lại với 14/19 nhóm ngành tăng điểm mặc dù khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản suy giảm so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, lực cầu hiện tại vẫn chưa đủ mạnh để giúp cho chỉ số đảo chiều và thị trường vẫn có thể xuất hiện những phiên giảm nhẹ trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: VN30F2107 và VN30F2108 là 2/4 HĐTL ở trong sắc xanh trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1400 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/7/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Phân tích kỹ thuật: KBC_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.24** điểm, đóng cửa **1297.54**. HNX-Index **+3.72** điểm, đóng cửa **296.7**.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.87)**; **VHM (+1.35)**; **HPG (+0.67)**; **GVR (+0.66)**; **VRE (+0.54)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.56)**; **MSN (-1.49)**; **VNM (-1.1)**; **VIC (-0.9)**; **VIB (-0.61)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,287** tỷ đồng, **-50.82%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,915 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 29.43 điểm. Thị trường có **265** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **112** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-215.56** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-98.3 tỷ)**, **VIC (-94.6 tỷ)** và **VCB (-71.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.31** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1297.54**
Giá trị: 14287.9 tỷ **1.24 (0.1%)**
Khối ngoại (ròng): -215.56 tỷ

HNX-INDEX **296.70**
Giá trị: 2908.73 tỷ **3.72 (1.27%)**
Khối ngoại (ròng): -9.31 tỷ

UPCOM-INDEX **85.36**
Giá trị: 758.3 tỷ **1.47 (1.75%)**
Khối ngoại(ròng): 11.88 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	74.7	0.77%
Giá vàng	1,809	0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,016	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,274	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	20,843	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	10.67%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	85.8	VNM	-98.3
KDH	44.3	VIC	-94.6
HSG	26.3	VCB	-71.4
SSI	16.9	CTG	-51.6
HCM	15.5	HPG	-49.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	74.34	0.32%	1.30%	6.10%	76.24%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	75.38	0.29%	1.10%	4.50%	61.93%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	228.35	0.28%	2.50%	3.30%	76.95%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1807.35	0.06%	0.60%	-3.70%	-4.24%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.23	0.12%	0.30%	-6.00%	16.12%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1352.25	0.15%	3.60%	-7.30%	53.62%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	642.00	0.20%	2.60%	-6.90%	17.74%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.03	1.81%	4.30%	-4.40%	8.29%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	194.60	-0.56%	-3.80%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.99	-1.68%	-6.40%	-4.30%	41.94%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	154.00	1.65%	0.60%	-3.30%	45.15%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9409.00	-1.16%	-1.10%	-4.90%	43.19%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	836.49	-0.88%	3.00%	4.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	903.35	-0.29%	5.30%	6.20%			
Nhôm	USD/ton	2489.50	-0.48%	-2.60%	0.50%	47.31%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	184.38	0.67%	-3.00%	0.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	136.40	0.22%	-1.00%	15.20%	101.78%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2021 giảm 39 US cent tương đương 0.5% xuống 75.16 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2021 giảm 46 US cent tương đương 0.6% xuống 74.1 USD/thùng. Giá dầu giảm do mối lo ngại về biến thể Covid-19 lây lan mạnh ảnh hưởng đến sự phục hồi nền kinh tế toàn cầu, khiến nhu cầu nhiên liệu trở về gần mức trước đại dịch.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 1,804.8 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 giảm 0.3% xuống 1,805.9 USD/ounce.
_ *Giá sắt thép_
• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 1.5% lên 1,188.5 CNY/tấn. Thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải tăng 1.4% lên 5,432 CNY (839 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 1.4% lên 5,828 CNY/tấn. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc công bố sẽ cắt giảm tỉ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thêm 50 điểm cơ bản, có hiệu lực từ ngày 15/7/2021, giải phóng khoảng 1 nghìn tỉ CNY để củng cố sự phục hồi nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi Covid-19.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 12 trên sàn Osaka giảm 0.4 JPY xuống 216 JPY (2 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn Thượng Hải giảm 75 CNY xuống 13,310 CNY/tấn. Giá cao su tại Nhật Bản giảm phiên thứ 4 liên tiếp xuống mức thấp nhất 8 tháng, do lo ngại sự cải thiện mới đây trong nền kinh tế toàn cầu có thể bị ảnh hưởng bởi các biến thể Covid-19 lan nhanh như Delta.

Giá nông sản

• Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE tăng 2,5 US cent tương đương 1.7% lên 1.54 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn London thay đổi nhẹ ở mức 1,744 USD/tấn.
• Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn London giảm 4.4 USD tương đương 1% xuống 421.7 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE giảm 0.29 US cent tương đương 1.7% xuống 16.99 US cent/lb.

	13/7	% 13/7	12/7	% 12/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1297.54	0.10%	1296.30	-3.77%	-4.23%	-4.01%
S&P 500			4384.63	0.35%	0.74%	3.91%
HĐTL S&P500	4373.50	-0.07%	4376.50	0.38%	0.91%	3.42%
Shang- hai	3566.52	0.53%	3547.84	0.67%	1.03%	-1.23%
Euro Stoxx	4093.18	0.00%	4093.38	0.62%	1.00%	-0.81%

Phân tích kỹ thuật
KBC_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng hồi phục

Nhận định: KBC đang hình thành ngưỡng hỗ trợ tại vùng giá 32.5. Thanh khoản cổ phiếu nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD đang dần chuyển hướng sang tích cực trong khi chỉ báo RSI đang báo hiệu nhịp hồi phục từ kênh Bollinger dưới. Đường giá cổ phiếu nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn vẫn chưa hình thành. Nhà đầu tư trung hạn có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 32.5 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 40.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 30.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

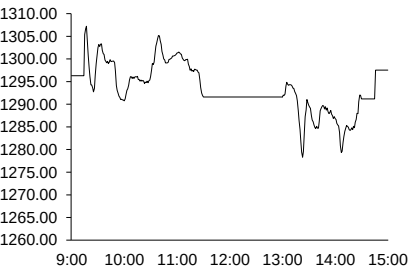
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	4.01%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.33%
Dầu khí	3.06%
Dịch vụ tài chính	2.80%
Ô tô và phụ tùng	2.33%
Hóa chất	2.09%
Tài nguyên Cơ bản	1.31%
Công nghệ Thông tin	1.11%
Y tế	0.99%
Bảo hiểm	0.95%
Du lịch và Giải trí	0.90%
Xây dựng và Vật liệu	0.83%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.49%
Bất động sản	0.41%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.53%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.71%
Ngân hàng	-0.75%
Thực phẩm và đồ uống	-1.78%

Hình 1

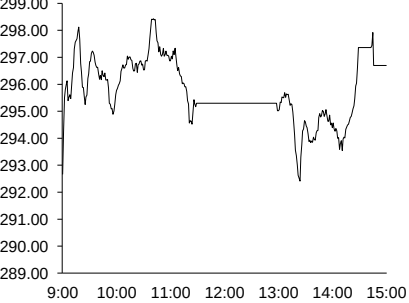
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

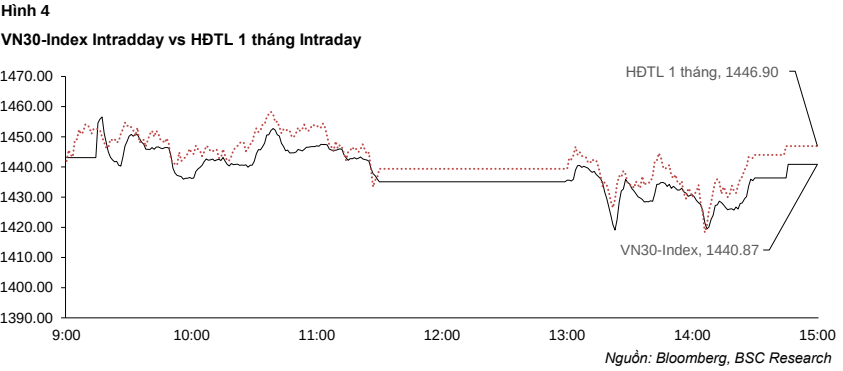
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/12/2021	VPG	38	42	32.5	38.2	1	0.53%	Có thể tiếp tục mua
7/9/2021	ITD	18	20.25	15.25	18.5	4	2.78%	Có thể tiếp tục mua
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	46.5	5	5.92%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	175	6	5.55%	Có thể tiếp tục mua
7/6/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	45	7	-0.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/29/2021	VJC	120	132	113	119.9	14	-0.08%	Có thể tiếp tục mua
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	61	20	-6.73%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	30.95	29	14.21%	Cần nhắc không mua thêm (**)
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	24.55	43	-11.05%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	SL	21	-6.98%
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	SL	20	-3.31%
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	SL	26	-4.89%
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	SL	27	-10.21%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	4	5.80%	-4.69%	1.14%	14
Cổ phiếu đã chốt	159	106	13.66%	-7.91%	5.03%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1446.90	0.21%	6.03	-11.1%	354,374	15/07/2021	4
VN30F2108	1445.00	0.07%	4.13	60.6%	6,321	19/08/2021	39
VN30F2109	1441.40	-0.13%	0.53	-39.3%	182	16/09/2021	67
VN30F2112	1442.30	-0.01%	1.43	-49.1%	117	16/12/2021	158

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 2.23 điểm xuống mức 1440.87 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MSN, VCB, PDR và VIC tác động mạnh đến vận động giảm của VN30. VN30 giằng co quanh mốc tham chiếu trong phiên sáng nhưng đã duy trì sắc đỏ trong phiên chiều. VN30 có thể sẽ tiếp tục giảm về quanh ngưỡng 1420 trong những phiên tiếp theo.
- VN30F2107 và VN30F2108 là 2/4 HĐTL ở trong sắc xanh trong phiên hôm nay. Chỉ có VN30F2108 tăng về khối lượng giao dịch. Xét về vị thế mở, VN30F2107 và VN30F2109 giảm còn VN30F2108 và VN30F2112 tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1400 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2104	27/08/2021	45	1:1	104,100	45.98%	4,000	8,310	5.86%	6,074	1.37	26,900	22,900	28,700
CKDH2002	16/08/2021	34	4:1	137,900	32.77%	1,600	3,420	3.64%	2,272	1.51	30,666	24,848	36,300
CMWG2104	22/03/2022	252	10:1	82,700	32.53%	2,400	6,300	3.28%	4,725	1.33	159,000	135,000	175,000
CHPG2105	09/08/2021	27	2:1	56,200	38.28%	3,000	11,740	2.98%	2,095	5.60	48,000	42,000	45,500
CMWG2105	27/08/2021	45	8:1	118,700	32.53%	2,950	5,940	2.41%	5,537	1.07	155,100	131,500	175,000
CVHM2106	12/08/2021	30	10:1	350,000	34.30%	1,300	2,240	2.28%	140	16.04	131,668	118,668	109,500
CHPG2108	12/08/2021	30	5:1	255,800	38.28%	1,200	2,980	1.71%	3	967.53	48,124	43,713	45,500
CHPG2106	27/08/2021	45	2:1	81,800	38.28%	4,100	9,090	1.68%	467	19.49	42,937	36,908	45,500
CTCB2103	09/08/2021	27	2:1	319,300	39.22%	2,900	9,940	1.43%	9,262	1.07	41,300	35,500	53,900
CTCB2101	05/10/2021	84	1:1	88,900	39.22%	5,000	24,280	1.38%	23,240	1.04	36,000	31,000	53,900
CHPG2107	12/08/2021	30	5:1	530,500	38.28%	1,300	3,050	1.33%	3	953.13	48,463	43,684	45,500
CSTB2103	09/08/2021	27	2:1	204,100	45.98%	1,400	5,830	0.52%	5,382	1.08	20,800	18,000	28,700
CTCB2012	30/07/2021	17	1:1	21,600	39.22%	5,400	31,560	0.51%	31,949	0.99	27,400	22,000	53,900
CVPB2015	30/07/2021	17	1:1	30,500	38.88%	5,600	38,100	0.26%	38,057	1.00	31,600	26,000	64,000
CVPB2104	27/08/2021	45	3:1	253,300	38.88%	2,500	7,150	0.00%	5,117	1.40	56,500	49,000	64,000
CVPB2103	09/08/2021	27	2:1	163,500	38.88%	2,700	13,590	-0.07%	13,814	0.98	41,900	36,500	64,000
CMWG2102	02/08/2021	20	5:1	104,500	32.53%	3,000	10,540	-0.57%	11,062	0.95	135,000	120,000	175,000
CVNM2105	27/09/2021	76	20:1	359,700	26.04%	1,100	1,150	-4.17%	0	2,948.72	139,661	117,931	84,300
CPDR2102	27/09/2021	76	5:1	127,100	38.85%	1,100	3,490	-11.65%	1,128	3.09	94,499	88,999	87,000
CPDR2101	27/09/2021	76	5:1	260,100	38.85%	1,100	2,810	-14.59%	823	3.41	94,388	88,888	87,000
Tổng				3,546,200	36.83%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/7/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.
- Về giá, CTCH2103 và CTCH2102 tăng mạnh nhất lần lượt là 22.9% và 15.7%, ở chiều hướng ngược lại, CPDR2101 và CVHM2105 giảm mạnh nhất lần lượt là 14.6% và 11.9%. Thanh khoản thị trường giảm 50.93%. CTCB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.56% thị trường.
- Có 3/49 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CVPB2015 và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2015 và CHPG2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	175.0	-0.9%	0.8	3,616	4.9	9,051	19.3	4.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	99.2	-2.8%	0.9	981	2.3	4,974	19.9	3.9	48.9%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	50.7	0.8%	1.5	1,636	2.0	2,548	19.9	1.8	26.9%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	38.5	4.1%	0.5	374	0.1	3,809	10.1	1.2	49.0%	12.2%
VIC	Bất động sản	103.0	-1.0%	0.7	15,147	10.5	2,174	47.4	4.3	15.8%	9.0%
VRE	Bất động sản	27.9	3.1%	1.1	2,751	3.4	1,175	23.7	2.1	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	109.5	1.4%	1.0	15,661	12.1	7,874	13.9	4.0	23.1%	33.6%
DXG	Bất động sản	22.4	1.8%	1.3	505	3.4	(61)		1.7	27.5%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	51.8	4.6%	1.5	1,475	27.3	2,776	18.7	2.9	47.1%	16.2%
VCI	Chứng khoán	52.7	2.3%	1.0	763	3.3	2,851	18.5	3.6	21.0%	22.1%
HCM	Chứng khoán	47.5	6.1%	1.6	630	10.8	2,462	19.3	3.0	48.0%	16.4%
FPT	Công nghệ	87.0	1.0%	0.9	3,433	8.3	4,103	21.2	4.7	56.3%	23.6%
FOX	Công nghệ	76.0	0.8%	0.4	1,085	0.0	4,304	17.7	5.3	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	91.5	4.0%	1.3	7,614	2.3	3,946	23.2	3.5	2.8%	14.9%
PLX	Dầu khí	51.0	2.7%	1.5	2,758	2.6	2,915	17.5	2.7	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	25.7	5.8%	1.7	534	11.2	1,375	18.7	1.0	8.0%	5.4%
BSR	Dầu khí	17.9	5.9%	0.8	2,413	10.2	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.9	2.1%	0.4	534	0.0	5,647	16.6	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	20.6	3.8%	0.8	350	1.0	1,928	10.7	1.0	13.8%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.1	6.9%	0.7	394	1.9	1,122	15.2	1.4	2.1%	9.4%
VCB	Ngân hàng	103.4	-3.5%	1.1	16,674	8.4	5,709	18.1	3.8	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.4	1.0%	1.3	7,415	3.6	2,048	20.7	2.2	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	34.6	-1.1%	1.3	7,230	17.8	3,692	9.4	1.8	24.7%	20.9%
VPB	Ngân hàng	64.0	0.0%	1.2	6,831	49.5	4,626	13.8	2.8	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	29.8	0.0%	1.2	4,895	16.3	2,676	11.1	2.2	21.7%	21.6%
ACB	Ngân hàng	32.9	0.5%	1.0	3,865	9.5	3,194	10.3	2.3	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	55.9	1.6%	0.7	199	0.2	6,160	9.1	1.9	83.2%	20.3%
NTP	Nhựa	49.6	3.8%	0.5	254	0.0	3,988	12.4	2.1	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.0	0.0%	0.7	908	0.4	39	487.2	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.5	1.2%	1.2	8,849	50.2	4,056	11.2	3.1	26.5%	31.3%
HSG	Thép	34.0	2.9%	1.4	722	15.6	4,914	6.9	2.0	9.4%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	84.3	-2.3%	0.7	7,660	10.7	4,682	18.0	5.6	55.0%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	157.0	-1.1%	0.8	4,377	0.6	7,561	20.8	5.1	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	115.0	-4.1%	0.9	5,903	7.7	1,281	89.8	8.4	33.3%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	18.0	6.8%	1.3	483	3.3	1,131	15.9	1.4	8.5%	8.7%
ACV	Vận tải	74.9	3.7%	0.8	7,089	0.4	577	129.8	4.3	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	119.9	-0.1%	1.1	2,823	2.8	2,256		4.3	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	25.6	2.6%	1.7	1,576	0.4	(9,327)		25.2	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	39.7	2.3%	1.0	520	2.9	1,246	31.9	2.0	41.5%	6.2%
PVT	Vận tải	18.3	2.8%	1.4	257	2.2	2,281	8.0	1.2	13.6%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	104.5	0.0%	0.9	727	0.7	8,479	12.3	4.0	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	28.4	0.4%	0.4	554	0.1	1,604	17.7	1.9	5.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	1.8%	0.9	239	0.2	1,566	9.2	1.0	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	61.0	-1.6%	1.0	197	0.4	3,352	18.2	0.5	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	16.0	0.0%	0.5	166	1.8	56	287.6	0.8	22.1%	0.2%
REE	Điện	51.9	-0.8%	-1.4	697	0.9	5,770	9.0	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	24.6	2.7%	-0.4	204	0.7	2,371	10.4	1.2	9.9%	13.2%
POW	Điện	10.6	3.9%	0.6	1,074	4.8	1,037	10.2	0.9	2.9%	8.6%
NT2	Điện	18.9	0.0%	0.5	237	0.2	1,872	10.1	1.3	14.9%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	32.5	4.8%	1.1	664	8.7	1,639	19.8	1.5	19.6%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	52.3	4%	0.9	2,354	0.1			3.3	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	91.50	3.98	1.82	581300
VHM	109.50	1.39	1.36	2.56MLN
HPG	45.50	1.22	0.67	25.50MLN
GVR	30.00	2.04	0.65	3.52MLN
VRE	27.85	3.15	0.54	2.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-3.73	1.87MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-1.57	1.52MLN	607060
VNM	0.00	-1.14	2.88MLN	373600
VIC	0.00	-0.92	2.36MLN	192700
PDR	0.00	-0.52	2.72MLN	611640

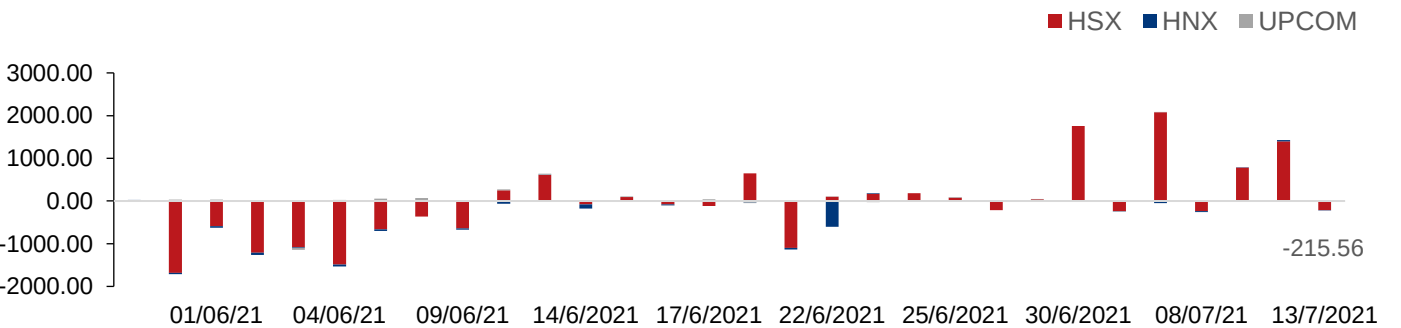
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABS	26.05	6.98	0.04	400400.00
HQC	3.23	6.95	0.03	11.13MLN
DAG	5.40	6.93	0.01	186000
TTB	5.87	6.92	0.01	1.88MLN
TTF	6.96	6.91	0.04	4.50MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	10.00	-9.09	-0.01	100
HOT	30.30	-6.91	-0.01	4900
CEE	12.85	-6.88	-0.01	500.00
DAT	20.00	-6.54	-0.02	100
PGD	28.70	-6.21	-0.05	8500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.9	3,194	10.3	2.3	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	74.9	577	129.8	4.3	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.6	600	14.3	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.2	-363		0.7	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.6	3,834	7.2	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	34.6	3,692	9.4	1.8	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.1	1122.1	15.2	1.4	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	81.0	5,505	14.7	3.3	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	134.7	7,653	17.6	4.6	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.6	1,928	10.7	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	27.4	2,379	11.5	1.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	22.4	-61		1.7	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	87.0	4,103	21.2	4.7	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	30.0	1,091	27.5	2.5	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	46.5	7,082	6.6	2.1	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.5	4,056	11.2	3.1	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	34.0	4,914	6.9	2.0	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	14.4	1,566	9.2	1.0	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.0	-1,032		0.6	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	32.5	1,639	19.8	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.3	1,946	18.7	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	27.5			2.0	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.2	3,258	11.1	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	56.3	5,257	10.7	1.9	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	115.0	1,281	89.8	8.4	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	175.0	9,051	19.3	4.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	37.1	4,008	9.2	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.4	2,120	11.5	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.2	4,974	19.9	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.6	1,037	10.2	0.9	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.4	0	126.1	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.7	1,375	18.7	1.0	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	157.0	7,561	20.8	5.1	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.0	1,131	15.9	1.4	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	34.0	8272.5	4.1	1.2	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	53.9	4,074	13.2	2.4	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	103.4	5,709	18.1	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	46.3	4,166	11.1	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	16.1	570	28.2	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	39.1	3,837	10.2	1.3	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	109.5	7,874	13.9	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	84.3	4,682	18.0	5.6	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	64.0	4,626	13.8	2.8	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.9	1,175	23.7	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	80.0	3,256	24.6	6.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639